

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
Số: 09/2017/QĐ-KTNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế ủy thác hoặc thuê doanh nghiệp kiểm toán thực hiện kiểm toán

Căn cứ Luật Kiểm toán nhà nước ngày 24/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Tổng Kiểm toán nhà nước Quyết định về việc ban hành Quy chế ủy thác hoặc thuê doanh nghiệp kiểm toán thực hiện kiểm toán.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế ủy thác hoặc thuê doanh nghiệp kiểm toán thực hiện kiểm toán.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký, thay thế Quyết định 03/2011/QĐ-KTNN ngày 09/12/2011 của Tổng Kiểm toán nhà nước về việc ban hành Quy chế thuê hoặc ủy thác doanh nghiệp kiểm toán.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Kiểm toán nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUY CHẾ

ỦY THÁC HOẶC THUÊ DOANH NGHIỆP KIỂM TOÁN THỰC HIỆN KIỂM TOÁN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09 /2017/QĐ-KTNN
ngày 15/8/2017 của Tổng Kiểm toán nhà nước)*

Chương I

Những quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc Kiểm toán nhà nước thực hiện việc ủy thác hoặc thuê doanh nghiệp kiểm toán thực hiện kiểm toán các cơ quan, tổ chức quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công theo quy định của Luật Kiểm toán nhà nước; quy định về quyền hạn, trách nhiệm của các bên liên quan đến ủy thác hoặc thuê kiểm toán; quy định phạm vi ủy thác hoặc thuê kiểm toán; điều kiện các doanh nghiệp kiểm toán được ủy thác hoặc thuê kiểm toán; quy định về Hội đồng thẩm định doanh nghiệp kiểm toán và thủ tục, trình tự lựa chọn doanh nghiệp thực hiện kiểm toán.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với Kiểm toán nhà nước; các doanh nghiệp kiểm toán được ủy thác hoặc thuê kiểm toán và các bên có liên quan đến hoạt động ủy thác hoặc thuê kiểm toán của Kiểm toán nhà nước.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Ủy thác kiểm toán* là việc Kiểm toán nhà nước giao cho doanh nghiệp kiểm toán với danh nghĩa của Kiểm toán nhà nước thực hiện toàn bộ cuộc kiểm toán theo các chuẩn mực, quy trình kiểm toán của Kiểm toán nhà nước hoặc các chuẩn mực, quy trình kiểm toán được Kiểm toán nhà nước chấp nhận.
- Thuê doanh nghiệp kiểm toán* là việc Kiểm toán nhà nước thuê doanh nghiệp kiểm toán thực hiện kiểm toán một số nội dung, một số đơn vị được kiểm toán trong Kế hoạch kiểm toán theo các chuẩn mực, quy trình kiểm toán và quy định quản lý, chuyên môn của Kiểm toán nhà nước.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện

- Chỉ ủy thác hoặc thuê kiểm toán đối với những đối tượng kiểm toán thuộc phạm vi ủy thác hoặc thuê kiểm toán theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.
- Chỉ thực hiện ủy thác hoặc thuê kiểm toán đối với những doanh nghiệp kiểm toán đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

3. Việc ủy thác hoặc thuê doanh nghiệp kiểm toán được thực hiện thông qua hợp đồng ủy thác hoặc thuê kiểm toán.
4. Doanh nghiệp kiểm toán được ủy thác hoặc thuê kiểm toán chịu trách nhiệm trước Kiểm toán nhà nước và pháp luật về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của số liệu, tài liệu và kết luận kiểm toán của mình. Kiểm toán nhà nước quyết định việc sử dụng và chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát số liệu, tài liệu và kết luận, kiến nghị kiểm toán do doanh nghiệp kiểm toán thực hiện.
5. Doanh nghiệp kiểm toán được ủy thác hoặc thuê kiểm toán chịu trách nhiệm bảo mật tài liệu, số liệu và các thông tin về hoạt động của đơn vị được kiểm toán theo quy định của Kiểm toán nhà nước và quy định của pháp luật.
6. Doanh nghiệp kiểm toán được ủy thác hoặc thuê kiểm toán không được ủy thác hoặc thuê lại cho bên thứ ba.

Điều 5. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng ủy thác hoặc thuê doanh nghiệp kiểm toán

1. Kiểm toán nhà nước có quyền và trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng ủy thác hoặc thuê doanh nghiệp kiểm toán theo quy định tại Hợp đồng ủy thác hoặc thuê kiểm toán, Quy chế này và theo quy định của pháp luật.
2. Doanh nghiệp kiểm toán được ủy thác hoặc thuê kiểm toán có nghĩa vụ chấp hành sự kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng và chất lượng kiểm toán của Kiểm toán nhà nước.
3. Hoạt động kiểm tra, giám sát của Kiểm toán nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật và của Kiểm toán nhà nước.

Điều 6. Thành lập hội đồng thẩm định doanh nghiệp kiểm toán

1. Kiểm toán nhà nước thành lập Hội đồng thẩm định doanh nghiệp kiểm toán để tư vấn cho Tổng Kiểm toán nhà nước lựa chọn doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện, năng lực thực hiện ủy thác hoặc thuê kiểm toán.
2. Thành phần Hội đồng thẩm định gồm:
 - a) Tổng Kiểm toán nhà nước hoặc Phó Tổng Kiểm toán nhà nước phụ trách đơn vị trực thuộc Kiểm toán nhà nước có nhu cầu ủy thác hoặc thuê doanh nghiệp kiểm

toán - Chủ tịch Hội đồng.

b) Đại diện Văn phòng Kiểm toán nhà nước (01 Lãnh đạo văn phòng làm thành viên thường trực; 01 Lãnh đạo Phòng làm thành viên thư ký).

c) Đại diện Lãnh đạo Vụ Tổng hợp -Thành viên.

d) Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Kiểm toán nhà nước có nhu cầu ủy thác hoặc thuê kiểm toán - Thành viên.

đ) Đại diện Lãnh đạo Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán - Thành viên.

e) Đại diện Lãnh đạo Vụ Pháp chế - Thành viên.

Điều 7. Kinh phí ủy thác hoặc thuê doanh nghiệp kiểm toán

Hàng năm, căn cứ nhu cầu ủy thác hoặc thuê kiểm toán, Kiểm toán nhà nước lập dự toán kinh phí ủy thác hoặc thuê doanh nghiệp kiểm toán. Kinh phí ủy thác hoặc thuê doanh nghiệp kiểm toán được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của Kiểm toán nhà nước hoặc dự toán bổ sung trường hợp phát sinh nhiệm vụ đột xuất theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 8. Phạm vi ủy thác hoặc thuê kiểm toán

1. Kiểm toán nhà nước được ủy thác hoặc thuê doanh nghiệp kiểm toán thực hiện kiểm toán các cơ quan, tổ chức (trừ các cơ quan, tổ chức thuộc Khoản 2 Điều này):

a) Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập.

- c) Ban Quản lý dự án đầu tư có nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước; nguồn kinh phí ODA, NGO (khi có yêu cầu).
- d) Hội, liên hiệp hội, tổng hội và các tổ chức khác được ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí hoạt động.
- đ) Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, doanh nghiệp có góp vốn của nhà nước từ 50% vốn điều lệ trở xuống; doanh nghiệp quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công.
- e) Các đơn vị nhận trợ giá, trợ cấp của Nhà nước, đơn vị có nợ vay được Nhà nước bảo lãnh.
- f) Các cơ quan, tổ chức khác do Tổng Kiểm toán nhà nước quyết định.

2. Kiểm toán nhà nước không ủy thác hoặc thuê doanh nghiệp kiểm toán thực hiện kiểm toán các cơ quan, tổ chức sau:

- a) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan khác của trung ương.
- b) Cơ quan được giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước các cấp.
- c) Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan khác của địa phương.
- d) Đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân.
- đ) Đơn vị quản lý quỹ dự trữ của Nhà nước, quỹ dự trữ của các ngành, các cấp, quỹ tài chính khác của Nhà nước.
- e) Tổ chức quản lý tài sản quốc gia.
- f) Tổ chức chính trị.
- g) Các cơ quan, tổ chức sử dụng, quản lý tài chính công, tài sản công thuộc bí mật nhà nước.

Điều 9. Điều kiện các doanh nghiệp kiểm toán được ủy thác hoặc thuê kiểm toán

Doanh nghiệp kiểm toán được xem xét, lựa chọn ủy thác hoặc thuê kiểm toán phải có đủ các điều kiện sau:

1. Là doanh nghiệp kiểm toán đã đủ điều kiện hoạt động hợp pháp, được chấp thuận có tên trong danh sách công khai của Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước